

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

KHÓA 13

Hải Dương, 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Kế toán
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Kế toán
(Accounting)

Mã ngành : 7340301

Hình thức đào tạo : Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 424/QĐ-ĐHSD, ngày 09 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, xã hội, nhân văn; có kiến thức chuyên môn toàn diện; có khả năng phân tích hoạt động kế toán, tài chính, kinh doanh tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, tin học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật kinh tế, tài chính, nguyên lý, chuẩn mực kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng khai thác mạng internet và phần mềm tin học văn phòng để thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá công tác tổ chức kế toán tài chính, kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Quyết định và hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Kế toán; đảm nhận được công việc kế toán, tài chính, thuế tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp với vai trò là người thực hiện trực tiếp, điều hành và quản lý; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, thống kê, chuẩn mực kế toán, luật và chế độ kế toán hiện hành để thực hiện công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.1.5. Phân tích được các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp để tham mưu cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị, quản trị tài chính để xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; lập được các chứng từ, sổ sách và báo cáo kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội khác nhau phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và luật kế toán.

2.2.2. Lập, kê khai và quyết toán được các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính và sự nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội, nghề nghiệp.

2.2.3. Phân tích được số liệu kế toán để tham mưu cho lãnh đạo về lĩnh vực như: kế toán, thuế, tài chính.

2.2.4. Xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.2.5. Xây dựng được kỹ năng hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới để dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Phát triển được khả năng tự học, tự nghiên cứu, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

2.3.3. Đề xuất kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến kế toán, tài chính.

2.3.4. Thiết lập quy trình điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (*không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý*).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	52		
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	8	8	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1.3		Ngoại ngữ (<i>chọn 1 trong 3 ngoại ngữ</i>)	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	8	8	0
10	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
11	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
12	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	8	8	0
13	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
14	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
15	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
8.1.3.3		Tiếng Nhật	8	8	0
16	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	2	2	0
17	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3	3	0
18	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học	11	9	2
19	TOAN 015	Đại số tuyến tính	2	2	0
20	TOAN 017	Giải tích	2	2	0
21	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0
22	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
8.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
23	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
8.1.6		Giáo dục thể chất	3	0	3
24	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
25	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	94	56	38
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	20	20	0
26	KETOAN 057	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	3	0
27	KETOAN 010	Luật kế toán	2	2	0
28	QTKD 041	Kinh tế vi mô	3	3	0
29	QTKD 052	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
30	QTKD 054	Kinh tế lượng	3	3	0
31	QTKD 055	Pháp luật kinh tế	2	2	0
32	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính	2	2	0
33	QTKD 042	Lý thuyết thống kê	2	2	0
8.2.2		Kiến thức ngành	12	10	2
8.2.2.1		Phần bắt buộc	10	8	2
34	KETOAN 034	Kế toán quốc tế	2	2	0
35	KETOAN 011	Nguyên lý kế toán	3	2	1
36	KETOAN 040	Kế toán doanh nghiệp 1	3	2	1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
37	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế	2	2	0
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)	2	2	0
38	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0
39	QTKD 056	Thống kê doanh nghiệp	2	2	0
40	KETOAN 033	Bảo hiểm	2	2	0
8.2.3		Kiến thức chuyên ngành	42	26	16
8.2.3.1		Phần bắt buộc	40	24	16
41	KETOAN 041	Kế toán doanh nghiệp 2	3	2	1
42	KETOAN 014	Kế toán chi phí	2	1	1
43	KETOAN 046	Kế toán quản trị	3	2	1
44	KETOAN 053	Quản trị tài chính	3	2	1
45	KETOAN 042	Kế toán doanh nghiệp 3	3	2	1
46	KETOAN 043	Kế toán doanh nghiệp 4	3	2	1
47	KETOAN 009	Kiểm toán căn bản	2	2	0
48	KETOAN 049	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	2	1
49	KETOAN 055	Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế	3	2	1
50	KETOAN 059	Thuế và kế toán thuế	4	2	2
51	KETOAN 012	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
52	KETOAN 047	Kế toán tin	3	0	3
53	KETOAN 022	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	2	0
54	KETOAN 028	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1
8.2.3.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)	2	1	1
55	KETOAN 045	Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	2	1	1
56	KETOAN 051	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng	2	1	1
57	KETOAN 048	Kế toán xây dựng cơ bản	2	1	1
8.2.4		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	20	0	20
58	KETOAN 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
59	KETOAN 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
60	KETOAN 406	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau)	10	0	10
61	KETOAN 035	Đề án kế toán thuế	3	0	3
62	KETOAN 056	Đề án kế toán doanh nghiệp	7	0	7
Tổng (tín chỉ)			146		

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TỰ Ý

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I. Học phần điều kiện			11	9	2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I.1		Kỹ năng mềm	6	4	2
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
I.2		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	5	5	0
3	TANH 034/ TTRUNG 018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/Tiếng Nhật nâng cao 1	2	2	0
4	TANH 014/ TTRUNG 019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành Kế toán/Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2	3	3	0
II. Học phần tự chọn tùy ý			11	8	3
5	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán	3	2	1
6	KETOAN 044	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	3	2	1
7	KETOAN 052	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	2	0
8	QTKD 050	Quản trị văn phòng	3	2	1
Tổng (tín chỉ)			22	17	5

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			4		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			4		4	
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			4		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			4		4	
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			4		4	
7.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					3						3			
8.	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2									3			4		4	
9.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh				4							4			4	4	4
10.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		3										3	3			
11.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		3										3	3			
12.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3										3	3			
13.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		3										3	3			
14.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		3										3	3			
15.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3										3	3			
16.	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1		3										3	3			
17.	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2		3										3	3			
18.	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3		3										3	3			
19.	TOAN 015	Đại số tuyến tính		3					2						2			
20.	TOAN 017	Giải tích		3					2						2			
21.	TOAN 008	Xác suất và thống kê		3					3						2			
22.	TINCB 005	Tin học cơ bản			3									3	3	3		
23.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2									4	3		4		4	
24.	GDTC	Giáo dục thể chất	2									3			4			
25.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2									3			4			
26.	KETOAN 057	Chuẩn mực kế toán Việt Nam				3			3							3		
27.	KETOAN 010	Luật kế toán				4			4							4	4	

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
28.	QTKD 041	Kinh tế vi mô				3			3							3		
29.	QTKD 052	Kinh tế vĩ mô				3			3							3		
30.	QTKD 054	Kinh tế lượng				3			3							3		
31.	QTKD 055	Pháp luật kinh tế				3			3							3		
32.	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính				3			3							3		
33.	QTKD 042	Lý thuyết thống kê				3			3							3		
34.	KETOAN 058	Kế toán quốc tế				3			3							3		
35.	KETOAN 011	Nguyên lý kế toán				4			4							4	4	
36.	KETOAN 040	Kế toán doanh nghiệp 1				4			4							4	4	
37.	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế		3					3							3		
38.	QTKD 001	Marketing căn bản				3						3					3	
39.	QTKD 056	Thống kê kinh tế				3						3					3	
40.	KETOAN 033	Bảo hiểm				3						3					3	
41.	KETOAN 041	Kế toán doanh nghiệp 2				4		4	4							4	4	
42.	KETOAN 014	Kế toán chi phí				4			4							4	4	
43.	KETOAN 046	Kế toán quản trị				4		4			4	4				4	4	
44.	KETOAN 053	Quản trị tài chính					4	4			4	4					4	4
45.	KETOAN 042	Kế toán doanh nghiệp 3				4		5	4		4	4					4	4
46.	KETOAN 043	Kế toán doanh nghiệp 4				4		5	4		4	4					4	4
47.	KETOAN 009	Kiểm toán căn bản				3					3					3	3	
48.	KETOAN 049	Kiểm toán báo cáo tài chính				4					4	4					4	4
49.	KETOAN 055	Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế				4		4	4			4				4	4	4
50.	KETOAN 059	Thuế và kế toán thuế				4		4		4						4	4	
51.	KETOAN 012	Phân tích báo cáo tài chính					4				4					4	4	4
52.	KETOAN 047	Kế toán tin				4			4	4						4	4	
53.	KETOAN 022	Kế toán ngân sách và tài chính xã				4			4							4	4	
54.	KETOAN 028	Kế toán hành chính sự nghiệp				4			4							4	4	
55.	KETOAN 045	Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã				4			4							4	4	

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
56.	KETOAN 051	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng				4				4						4	4	
57.	KETOAN 048	Kế toán xây dựng cơ bản				4		4	4	4						4	4	
58.	KETOAN 402	Thực tập chuyên đề				4				4	4	4				4	4	4
59.	KETOAN 403	Thực tập tốt nghiệp				4	4				4	4	4			4	4	4
60.	KETOAN 406	Khóa luận tốt nghiệp				5	5	5	4	4	4	4			4	4	4	4
61.	KETOAN 035	Đề án kế toán thuế				5	5	5	4	4		4			4	4	4	4
62.	KETOAN 056	Đề án kế toán doanh nghiệp				5	5	5	4	4		4			4	4	4	4
63.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2									4	3		4		4	
64.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phân biện và tư duy sáng tạo	2									4	3		4		4	
65.	TANH 034/ TTRUNG 018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/Tiếng Nhật nâng cao 1	3											3	3			
66.	TANH 014/ TTRUNG 019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành Kế toán/Tiếng Trung nâng cao 2/ Tiếng Nhật nâng cao 2	3											3	3			
67.	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán					4				4						4	
68.	KETOAN 044	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ				4		4	4							4	4	
69.	KETOAN 052	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại				4					4						4	
70.	QTKD 050	Quản trị văn phòng					4					4					4	

11.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác-Lênin

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng (vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng); nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử (hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội, triết học về con người).

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản khoa học về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh của thế giới ngày nay và các nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới. Cụ thể: kinh tế thị trường và các quy luật của kinh tế thị trường; lý luận C. Mác về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong kinh tế thị trường; tích lũy và tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; lợi ích kinh tế phát triển ở Việt Nam; cách mạng công nghiệp với sự phát triển ở Việt Nam; hội nhập kinh tế quốc tế và đảm bảo lợi ích quốc gia Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thông qua giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; đường lối lãnh đạo của Đảng về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược từ 1945 - 1954 và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước từ 1945 - 1975; đường lối Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thông qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng giai đoạn 1975 - 1986; lãnh đạo đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế từ năm (1986 - 2020). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đường lối của Đảng vào thực tiễn.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong

nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh.

7. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

8. Tâm lý học đại cương

Học phần giới thiệu cho sinh viên nội dung về cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

9. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

10. Tiếng Anh căn bản 1

Học phần tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp kiến thức về thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, động từ tobe, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định, sở hữu cách.

Từ vựng: Các nhóm danh từ chỉ nghề nghiệp, gia đình, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet.

Kĩ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

11. Tiếng Anh căn bản 2

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ...

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Lễ hội, du lịch, văn hóa, môi trường, thể dục thể thao...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hàng ngày, giao tiếp, ứng xử...

12. Tiếng Anh căn bản 3

Học phần Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau (giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống).

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

13. Tiếng Trung căn bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung (cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán).

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Ngữ pháp: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

14. Tiếng Trung căn bản 2

Học phần Tiếng Trung căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ điểm giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.

Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết tương liên quan đến các chủ điểm giao tiếp trong học phần.

15. Tiếng Trung căn bản 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống, ...

16. Tiếng Nhật căn bản 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.

Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.

Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

17. Tiếng Nhật căn bản 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 1 đến bài 2.

Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

18. Tiếng Nhật căn bản 3

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 3 đến bài 6.

Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru.

Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp

19. Đại số tuyến tính

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

20. Giải tích

Học phần cung cấp kiến thức về các hàm một biến số (giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân); hàm nhiều biến số (giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai).

21. Xác suất và thống kê

Học phần cung cấp kiến thức về xác suất (giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, các công thức xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều); lý thuyết thống kê (lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết).

22. Tin học cơ bản

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về máy tính, hệ điều hành windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Học phần tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

23. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cần thiết trong giao tiếp, các phương tiện và hình thức giao tiếp; khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm. Từ đó sinh viên biết vận dụng giao tiếp, làm việc nhóm vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong cuộc sống hằng ngày.

24. Giáo dục thể chất

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao: Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, chạy, khiêu vũ,...

25. Giáo dục quốc phòng và An ninh

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

26. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc, quy định chung trong hạch toán kế toán và các nguyên tắc, phương pháp kế toán cụ thể về tài sản, doanh thu, chi phí và một số nội dung đặc thù khác trong doanh nghiệp.

27. Luật kế toán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định chung về kế toán, các hành vi bị nghiêm cấm trong kế toán, chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo tài chính; kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán; kế toán trong trường hợp đơn vị kế toán chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại hình hoặc hình thức sở hữu, giả thể, chấm dứt hoạt động, phá sản; tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

28. Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

29. Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô, chính sách vĩ mô của Nhà nước; phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các biến số và quá trình thay đổi kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

30. Kinh tế lượng

Học phần cung cấp kiến thức về nguyên tắc thiết lập mô hình toán học mô tả mối quan hệ giữa các biến số, từ đó thu thập số liệu để ước lượng mô hình, kiểm định bản chất của sự phụ thuộc, sử dụng các biện pháp khác nhau để phát hiện các khuyết tật của mô hình và có biện pháp khắc phục và lựa chọn mô hình phù hợp với lý thuyết, sử dụng mô hình đó để dự báo và ra quyết định.

31. Pháp luật kinh tế

Học phần trang bị kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

32. Lý thuyết tài chính

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, hệ thống tài chính; thị trường tài chính; tìm hiểu nội dung của các khâu ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế và các tổ chức tài chính trung gian. Phân biệt được phạm trù tài chính với các phạm trù: tiền tệ, giá cả, tiền lương, lãi suất,... Qua đó đánh giá sự tác động của các quan hệ tài chính đó tới nền kinh tế.

33. Lý thuyết thống kê

Lý thuyết thống kê là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và tính quy luật của hiện tượng thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Lý thuyết thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

34. Kế toán quốc tế

Học phần Kế toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kế toán quốc tế; tổ chức lập qui và qui trình soạn thảo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; khuôn mẫu lý thuyết chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; đối chiếu hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán của một số quốc gia.

35. Nguyên lý kế toán

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, đối tượng nghiên cứu của kế toán; các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các học phần kế toán.

36. Kế toán doanh nghiệp 1

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc hạch toán, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ kế toán chủ yếu liên quan đến các

nghiệp vụ kinh tế phát sinh về kế toán vốn bằng tiền; các khoản phải thu ngắn hạn; các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong doanh nghiệp.

37. Phân tích hoạt động kinh tế

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh tế như: phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo từng mặt hàng, phân tích chất lượng sản phẩm, phân tích tính đồng bộ của sản xuất, phân tích các yếu tố về lao động, các yếu tố về tài sản cố định, phân tích yếu tố nguyên vật liệu, lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh, tình hình tài chính từ đó đưa ra các quyết định và giải pháp hợp lý mang lại hiệu quả cao nhất.

38. Marketing căn bản

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing - mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

39. Thống kê doanh nghiệp

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

40. Bảo hiểm

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm như: Đối tượng, nội dung nghiên cứu bảo hiểm, nhiệm vụ bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, bảo hiểm thân tàu thủy, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cháy, bảo hiểm con người, bảo hiểm thất nghiệp.

41. Kế toán doanh nghiệp 2

Kế toán doanh nghiệp 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính dài hạn; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

42. Kế toán chi phí

Học phần kế toán chi phí trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về kế toán chi phí; phân loại chi phí sản xuất và giá thành; các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu trực tiếp, theo nguyên vật liệu chính, theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương, phương pháp định mức; các phương pháp tính giá thành sản phẩm như phương pháp tính giá thành giản đơn, phương pháp tính giá thành theo hệ số, phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ, phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

43. Kế toán quản trị

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các quyết định về giá bán và các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định.

44. Quản trị tài chính

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị tài chính của các doanh nghiệp như: Quản trị các loại vốn trong doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn qua thị trường tài chính và phương pháp thẩm định hiệu quả dự án đầu tư, phương pháp lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp.

45. Kế toán doanh nghiệp 3

Kế toán doanh nghiệp A3 là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và nội dung hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp. Học phần kế toán doanh nghiệp A3 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ các phần hành kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp.

46. Kế toán doanh nghiệp 4

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như:

- Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận.
- Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả.
- Báo cáo tài chính.

47. Kiểm toán căn bản

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiểm toán; kiểm soát nội bộ; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán tài chính; phương pháp kiểm toán và kỹ thuật chọn mẫu kiểm toán; quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán; chuẩn mực kiểm toán.

48. Kiểm toán báo cáo tài chính

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiểm toán tài chính; nguyên tắc và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính như: kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền, kiểm toán chu trình mua hàng và thanh toán, kiểm toán chu trình hàng tồn kho, kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, kiểm toán chu trình tiếp nhận và hoàn lại vốn, kiểm toán các thông tin tài chính khác.

49. Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chứng từ; hệ thống tài khoản; sơ kế toán; chế độ báo cáo kế toán cũng như các phương pháp tổ chức công tác kế toán ở từng phân hệ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, các nghiệp vụ thanh toán; kế toán hàng tồn kho; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ; kế toán quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

50. Thuế và kế toán thuế

Thuế và kế toán thuế là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và nội dung hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước. Học phần thuế và kế toán thuế trang bị cho sinh viên những

kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp khai báo thuế trong doanh nghiệp và tính toán các khoản thuế phải nộp.

51. Phân tích báo cáo tài chính

Phân tích báo cáo tài chính là một môn khoa học xã hội, nó phân tích và đánh giá sâu các nội dung thông qua dữ liệu của hệ thống báo cáo tài chính; trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chỉ tiêu tài chính, phương pháp phân tích các nội dung trên báo cáo tài chính theo yêu cầu.

52. Kế toán tin

Học phần Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần mềm kế toán, quy trình xử lý của phần mềm kế toán. Sinh viên có thể vận dụng trình tự hạch toán trong phần mềm để áp dụng thực hiện ở các phần mềm kế toán khác nhau tại các doanh nghiệp sản xuất.

53. Kế toán ngân sách và tài chính xã

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ, báo cáo kế toán sử dụng trong đơn vị xã, phường; tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán các khoản tiền, vật tư, tài sản cố định, các khoản thanh toán, nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài ngân sách, thu ngân sách và thu sự nghiệp, chi ngân sách và chi sự nghiệp, chênh lệch thu chi ngân sách xã; quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi và quy trình quản lý, công khai ngân sách xã.

54. Kế toán hành chính sự nghiệp

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính và các khoản liên doanh liên kết, các khoản thu - chi và chênh lệch thu chi của hoạt động hành chính sự nghiệp, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh; hệ thống báo cáo tài chính và phương pháp lập báo cáo tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

55. Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán như:

- Luật hợp tác xã và liên minh hợp tác xã
- Điều lệ liên minh hợp tác xã
- Chế độ kế toán hợp tác xã
- Một số quy định mới về thuế liên quan đến hợp tác xã và liên minh hợp tác xã

56. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại như: chứng từ, sổ sách kế toán, các mô hình tổ chức bộ máy kế toán của ngân hàng thương mại, các nguyên tắc, yêu cầu kế toán, kế toán nguồn vốn, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán thanh toán qua ngân hàng, kế toán kinh doanh ngoại tệ, kế toán thu nhập, chi phí, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

57. Kế toán xây dựng cơ bản

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán kế toán như: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp.

58. Thực tập chuyên đề

Thực tập chuyên đề nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận với bộ máy quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, nhân sự, bộ máy kế toán, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập.

59. Thực tập tốt nghiệp

Giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã học vào công tác kế toán thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

60. Khóa luận tốt nghiệp

Giúp sinh viên củng cố, nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

61. Đề án kế toán thuế

Học phần rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng xác định các loại thuế phải nộp, hạch toán, kê khai và quyết toán các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp đúng quy định hiện hành. Sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

62. Đề án kế toán doanh nghiệp

Học phần rèn luyện cho sinh viên kiến thức để có cách nhìn tổng quan về kế toán tại các doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các phân hành kế toán trong doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong môn học kế toán doanh nghiệp.

63. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng:

+ Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện.

+ Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công

việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu cầu của xã hội.

64. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức kỹ năng thích ứng; biểu hiện của kỹ năng thích ứng với môi trường sống, trong học tập và môi trường làm việc của sinh viên; giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng; khái niệm, đặc điểm, lợi ích của kỹ năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, các bước và phương pháp tư duy phản biện, tư duy sáng tạo. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, kỹ năng phản biện, tư duy sáng tạo, qua đó vận dụng trong học tập và trong cuộc sống.

65. Tiếng Anh nâng cao

Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Học phần cung cấp hệ thống từ vựng chủ điểm về nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm...

Ngữ pháp: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ, cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ,...

Kỹ năng: Luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nói tập trung vào các chủ đề thường gặp trong cuộc sống thường ngày, kỹ năng hội thoại, trả lời phỏng vấn. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi - đáp, nghe đoạn hội thoại ngắn và đoạn độc thoại.

66. Tiếng Trung nâng cao 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết,... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bổ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra. Bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

67. Tiếng Nhật nâng cao 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 7 đến bài 8.

Ngữ pháp: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.

Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.

68. Tiếng Anh ngành QTKD

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Từ vựng về các chủ điểm: Tiếp thị quốc tế, xây dựng mối quan hệ trong kinh doanh, thành công trong kinh doanh, thỏa mãn trong công việc, rủi ro, thương mại điện

từ, làm việc nhóm, huy động tài chính, dịch vụ khách hàng, quản lý rủi ro, phong cách quản lý, tương lai của ngành kinh doanh.

Cấu trúc câu về các thì hiện tại và các thì quá khứ, kiến thức ngữ pháp về các lĩnh vực: Từ ghép, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, giới từ, tiền tố, danh động từ, động từ nguyên thể, từ nối, câu bị động, trạng từ chỉ mức độ, câu điều kiện diễn đạt các tình huống trong lĩnh vực chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

69. Tiếng Trung nâng cao 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người,... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bổ ngữ động lượng, trợ từ động thái, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ xu hướng kép,... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

70. Tiếng Nhật nâng cao 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 9 đến bài 10.

Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.

Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

71. Thị trường chứng khoán

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như: nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán được giao dịch, thị trường sơ giao dịch và thị trường phi tập trung, các quỹ đầu tư và các tổ chức kinh doanh chứng khoán. Giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp phân tích chứng khoán trong hoạt động đầu tư.

72. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như: đặc điểm, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán hoạt động mua bán hàng hóa, đánh giá hàng hóa; kế toán hoạt động mua hàng, bán hàng; kế toán hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

73. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngân hàng thương mại; nguyên lý hoạt động; các nghiệp vụ như huy động vốn, tín dụng, cho vay, nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán không dùng tiền mặt, bảo lãnh, thanh toán quốc tế... giúp sinh viên tiếp cận một cách có hệ thống hoạt động của ngân hàng thương mại.

74. Quản trị văn phòng

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn phòng và tổ chức văn phòng, các nghiệp vụ cơ bản của văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về

công tác quản trị văn phòng trong các doanh nghiệp góp phần quản trị hiệu quả công tác văn phòng.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Nguyễn Minh Tuấn	1977	Tiến sĩ Tài chính ngân hàng	1. Thị trường chứng khoán 2. Phân tích báo cáo tài chính
2.	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Kinh tế lượng
3.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Pháp luật kinh tế 3. Marketing căn bản
4.	Ngô Thị Luyện	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học 4. Marketing căn bản
5.	Vũ Thị Hương	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Quản trị văn phòng 2. Khởi nghiệp kinh doanh
6.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Quản trị văn phòng 3. Kinh tế lượng
7.	Nguyễn Thị Thuý	1986	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Pháp luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê 3. Thống kê doanh nghiệp
8.	Đinh Thị Kim Thiết	1980	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán doanh nghiệp (1, 2, 3, 4) 2. Kế toán ngân sách và tài chính xã 3. Luật kế toán 4. Kế toán HCSN 5. Đề án KTDN 6. Chuẩn mực KTVN
9.	Nguyễn Thị Quỳnh	1986	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã 2. Đề án KTDN 3. Kế toán doanh nghiệp (1, 2, 3, 4) 4. Đề án KT thuế 5. Thuế và kế toán thuế 6. Kế toán xây dựng cơ bản 7. Chuẩn mực KTVN
10.	Vũ Thị Thanh Thuý	1984	Thạc sĩ Kế toán	1. Thuế và kế toán thuế 2. Nguyên lý kế toán 3. Kế toán quốc tế 4. Kiểm toán báo cáo tài chính

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				5. Kiểm toán căn bản 7. Kế toán tin 8. Kế toán TM và DV
11.	Vũ Thị Lý	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán 2. Quản trị tài chính 3. Kế toán doanh nghiệp (1, 2, 3, 4) 4. Kế toán quản trị 5. Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế 6. Kế toán chi phí 7. Đề án KTDN
12.	Lương Thị Hoa	1989	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	1. Quản trị tài chính 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Thị trường chứng khoán 4. Lý thuyết tài chính 5. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng 6. Bảo hiểm 7. Phân tích báo cáo tài chính 8. Nghiệp vụ NH thương mại
13.	Nguyễn Thị K. Nguyễn	1974	Tiến sĩ Kinh tế	1. Quản trị văn phòng 2. Kinh tế vĩ mô 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 4. Kinh tế chính trị
14.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ Kinh tế	1. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm 2. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 4. Kinh tế chính trị Mác-Lênin
15.	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm
16.	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm 5. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm
17.	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
18.	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất
19.	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sĩ QLTDĐT	1. Giáo dục thể chất
20.	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
21.	Phạm Xuân Đức	1980	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh
22.	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Triết học Mác – Lênin
23.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ Triết học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin
24.	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ Triết học	1. Triết học Mác - Lênin 2. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm 3. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm
25.	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sĩ Luật học	1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm 3. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm
26.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 4. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm 5. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo 6. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm
27.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ Lịch sử	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm 4. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm
28.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Triết học Mác – Lênin 3. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
29.	Nguyễn Thị Tình	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm 2. Tâm lý học đại cương
30.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				3. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm
31.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
32.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1980	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
33.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
34.	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
35.	Nguyễn Kiều Hiền	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
36.	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2 3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2 7. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
37.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2 3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2 7. Tiếng Anh CN Kế toán
38.	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2 3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2 7. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
39.	Trần Hoàng Yên	1982	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2 3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2
40.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2
41.	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2 3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2
42.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh căn bản 1 2. Tiếng Anh căn bản 2 3. Tiếng Anh căn bản 3 4. Tiếng Anh nâng cao 5. Tiếng Anh nâng cao 1 6. Tiếng Anh nâng cao 2
43.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Nhật căn bản 1 2. Tiếng Nhật căn bản 2 3. Tiếng Nhật căn bản 3 4. Tiếng Nhật nâng cao 1 5. Tiếng Nhật nâng cao 2 6. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
44.	Phạm Thị Hồng Trang	1990	Tiến sĩ Tiếng Trung	1. Tiếng Trung căn bản 1, 2, 3 2. Tiếng Trung nâng cao 1, 2
45.	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sĩ Tiếng Trung	1. Tiếng Trung căn bản 1, 2, 3 2. Tiếng Trung nâng cao 1, 2
46.	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sĩ Tiếng Trung	1. Tiếng Trung căn bản 1, 2, 3 2. Tiếng Trung nâng cao 1, 2
47.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sĩ Tiếng Trung	1. Tiếng Trung căn bản 1, 2, 3 2. Tiếng Trung nâng cao 1, 2
48.	Hoàng Thị An	1987	Thạc sĩ KH máy tính	Tin học cơ bản
49.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản
50.	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản
51.	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản
52.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Tin học cơ bản
53.	Phạm Thị Hương	1981	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản
54.	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ KH học máy tính	Tin học cơ bản

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
55.	Nguyễn Phúc Hậu	1982	Tiến sĩ Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học cơ bản
56.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng kế toán tin	20	Máy tính V-Plus
		5	Máy tính để bàn Sing PC I543.5F87
		1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Điều hoà nhiệt độ Casper
		1	Điều hoà nhiệt độ Galanz
		10	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Bình cứu hoả
		2	Bục giảng
		4	Quạt trần
2	Phòng thực hành Quản trị	1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT ELEAD S989 core i3 3220
		6	Ghế khách hàng
		6	Ghế nhân viên
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
1	Bảng viết 1,5 x 2,5m		
3	Phòng thực hành	1	Máy đếm tiền 2500

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
	Kế toán	3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT ELEAD S989 core i3 3220
		1	Máy tính ELEAD E965 core i3 550-3-2
		7	Ghế khách hàng (chân quỳ khung mạ)
		7	Ghế nhân viên (xoay da màu đen)
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m
		1	Máy đếm tiền 2500

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của giảng viên và sinh viên. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên tĩnh, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Phòng dữ liệu số được cấu hình 20 máy tính với phần mềm Libol. Thư viện số của Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm có bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của giảng viên, sinh viên.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ			
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học		Đại học Sao Đỏ	2022
2.	Khởi nghiệp kinh doanh		Đại học Sao Đỏ	2022
3.	Tiếng Trung căn bản 1		Đại học Sao Đỏ	2022
4.	Tiếng Trung căn bản 2		Đại học Sao Đỏ	2022
5.	Tiếng Trung căn bản 3		Đại học Sao Đỏ	2022
6.	Giải tích		Đại học Sao Đỏ	2022
7.	Xác suất và thống kê		Đại học Sao Đỏ	2022
8.	Tin học cơ bản		Đại học Sao Đỏ	2022
9.	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm		Đại học Sao Đỏ	2022
10.	Chuẩn mực kế toán Việt Nam		Đại học Sao Đỏ	2022
11.	Luật kế toán		Đại học Sao Đỏ	2022
12.	Kinh tế vi mô		Đại học Sao Đỏ	2022
13.	Kinh tế vĩ mô		Đại học Sao Đỏ	2022
14.	Kinh tế lượng		Đại học Sao Đỏ	2022
15.	Pháp luật kinh tế		Đại học Sao Đỏ	2022
16.	Lý thuyết tài chính		Đại học Sao Đỏ	2022
17.	Lý thuyết thống kê		Đại học Sao Đỏ	2022
18.	Kế toán quốc tế		Đại học Sao Đỏ	2019
19.	Nguyên lý kế toán		Đại học Sao Đỏ	2022
20.	Kế toán doanh nghiệp 1		Đại học Sao Đỏ	2022
21.	Phân tích hoạt động kinh tế		Đại học Sao Đỏ	2022
22.	Marketing căn bản		Đại học Sao Đỏ	2022
23.	Thống kê doanh nghiệp		Đại học Sao Đỏ	2020
24.	Bảo hiểm		Đại học Sao Đỏ	2021
25.	Kế toán doanh nghiệp 2		Đại học Sao Đỏ	2022
26.	Kế toán chi phí		Đại học Sao Đỏ	2021
27.	Kế toán quản trị		Đại học Sao Đỏ	2019
28.	Quản trị tài chính		Đại học Sao Đỏ	2019
29.	Kế toán doanh nghiệp 3		Đại học Sao Đỏ	2022
30.	Kế toán doanh nghiệp 4		Đại học Sao Đỏ	2022
31.	Kiểm toán căn bản		Đại học Sao Đỏ	2019
32.	Kiểm toán báo cáo tài chính		Đại học Sao Đỏ	2019
33.	Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế		Đại học Sao Đỏ	2022
34.	Thuế và kế toán thuế		Đại học Sao Đỏ	2022
35.	Phân tích báo cáo tài chính		Đại học Sao Đỏ	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
36.	Kế toán ngân sách và tài chính xã		Đại học Sao Đỏ	2020
37.	Kế toán hành chính sự nghiệp		Đại học Sao Đỏ	2021
38.	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng		Đại học Sao Đỏ	2020
39.	Kế toán xây dựng cơ bản		Đại học Sao Đỏ	2021
40.	Đề án kế toán thuế		Đại học Sao Đỏ	2022
41.	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm		Đại học Sao Đỏ	2022
42.	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo		Đại học Sao Đỏ	2022
43.	Tiếng Anh ngành Kế toán		Đại học Sao Đỏ	2021
44.	Thị trường chứng khoán		Đại học Sao Đỏ	2022
45.	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ		Đại học Sao Đỏ	2019
46.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại		Đại học Sao Đỏ	2022
47.	Quản trị văn phòng		Đại học Sao Đỏ	2022
II	Giáo trình chính và giáo trình tham khảo			
1.	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021
2.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002
3.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Việt Thông	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội...	2009
4.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin	Phạm Văn Đức	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2021
5.	Tìm hiểu triết học Mác - Lênin	Nguyễn Ngọc Hà	NXB Khoa học Xã hội.	2021
6.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
7.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005
8.	C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1995
9.	V.I. Lênin Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995
10.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác -Lênin	Ngô Thái Hà	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội	2022
11.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
12.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
13.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
14.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hoàng Chí Bảo (chủ biên), Đương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan	NXB Đại học sư phạm	
15.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
16.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2018
17.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008
18.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011
19.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016
20.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021
21.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021
22.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
23.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2003
24.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016
25.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Thắng	NXB Đại học Sư phạm	2021
26.	Giáo trình Pháp luật đại cương	TS. Lê Minh Toàn	NXB Sự thật, Hà Nội	2021
27.	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020
28.	Bộ luật Dân sự hiện hành	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020
29.	Bộ luật lao động hiện hành	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020
30.	Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020
31.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB giáo dục	2021
32.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lê Huy Bá	NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	2006
33.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương Kỳ Sơn	NXB Chính trị quốc gia	2001
34.	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019
35.	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ	NXB Đại học Sư	2022

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		biên)	phạm.	
36.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi, Phan Công Luận	NXB Chính trị - Hành chính	2010
37.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
38.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền TS. Ngô Thị Việt Nga	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
39.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2012
40.	Real life – Elementary – Students’ book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	
41.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	
42.	Real life – Elementary – Students’ book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	
43.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	
44.	Real life – Pre intermediate – Students’ book	Sarah Cunning Ham, Peter Moor	Pearson Longman	2010
45.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	
46.	Understanding and using English grammar.	Betty schrampfer Azar	Longman	2002
47.	Giáo trình chuẩn HSK 1	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018
48.	Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018
49.	Giáo trình chuẩn HSK 2	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018
50.	Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018
51.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
52.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
53.	Giáo trình chuẩn HSK 1	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
54.	Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
55.	Giáo trình chuẩn HSK 2	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
56.	Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
57.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
58.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
59.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
60.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2020
61.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2020
62.	Sách tự học Hiragana Katakana học thông qua nghe và viết	AOTS - The Association For Overseas Technical Scholarship	Nhà xuất bản trẻ	2022
63.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản dịch và giải thích ngữ pháp - tiếng Việt	3A Network	Nhà xuất bản trẻ	2019
64.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật	3A Network	Nhà xuất bản trẻ	2019
65.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm	3A Network	Nhà xuất bản trẻ	2019
66.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự	3A Network	Nhà xuất bản trẻ	2019
67.	Đại số tuyến tính và ứng dụng qua ví dụ và bài tập	Cung Thế Anh Nguyễn Như Quân Đào Trọng Quyết, Nguyễn Dương Toàn và Nguyễn Việt Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	2022
68.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí Tạ Văn Đĩnh Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
69.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	2010
70.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
71.	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2020
72.	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Lý thuyết chuỗi	Đỗ Công Khanh Nguyễn Minh Hằng Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010
73.	Toán cao cấp Giải tích hàm nhiều biến, Phương trình vi phân	Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010
74.	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2012
75.	Mở đầu về lí thuyết xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam	2015
76.	Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh	NXB Đại học Quốc	2017

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Mai Ngọc Diệu Nguyễn Tài Hoa	gia Hà Nội	
77.	Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office	Phạm Quang Huy Phạm Quang Huân	NXB Thanh niên	2020
78.	Giáo trình tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009
79.	Tự học nhanh Microsoft Office	Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huân	NXB Thanh niên	2020
80.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
81.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Văn Trung	NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội	2009
82.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017
83.	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi Nguyễn Thành Nhân (dịch)	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2020
84.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Hải Yên (dịch)	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2019
85.	Giáo trình bóng chuyền	Đình Văn Lắm	NXB TDTT, Hà Nội	2006
86.	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2018
87.	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2013
88.	Giáo trình bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB TDTT, Hà Nội	2011
89.	Luật bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2013
90.	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2019
91.	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục TDTT	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội	2015
92.	26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ Tài chính	Nhà xuất bản tài chính	2021
93.	Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 hướng dẫn kế toán thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 4	Bộ tài chính		2006
94.	Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 hướng dẫn kế toán thực hiện 04 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 5	Bộ tài chính		2006
95.	Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 hướng dẫn kế toán thực hiện 16 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 1, 2, và 3	Bộ tài chính		2007

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
96.	Luật kế toán	Bộ Tài chính	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	2018
97.	Nghị định 174/2016/NĐ-CP	Chính phủ		2016
98.	Nghị định 41/2018/NĐ-CP	Chính phủ		2018
99.	Câu hỏi – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung, ThS. Trần Bá Thọ, TS. Nguyễn Hoàng Bảo	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2020
100.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân, ThS. Nguyễn Hồng Nhung	NXB Tài chính	2014
101.	Câu hỏi – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung, ThS. Trần Bá Thọ, TS. Nguyễn Hoàng Bảo	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2020
102.	Kinh tế vĩ mô	TS. Nguyễn Như Ý	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2021
103.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân	NXB Tài chính	2010
104.	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	NXB Lao Động	2010
105.	Giáo trình Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật, Phạm Văn Chung, Phạm Hoàng Uyên, Võ Thị Lệ Uyên, Lê Thanh Hoa	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2021
106.	Nhập môn Kinh tế lượng	Nguyễn Việt Khôi Nguyễn Quỳnh Nga	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2019
107.	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu	Đình Phi Hồ	NXB Tài chính	2020
108.	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2015
109.	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam	2013
110.	Luật doanh nghiệp năm 2020	Hải Thành (sưu tầm)	NXB Tài chính	2020
111.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	NXB Kinh tế quốc dân	2018
112.	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	Lê Thị Tuyết Hoa	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2017
113.	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ, Phần 2	Phan Thị Cúc	NXB Phương Đông	2012
114.	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Thủy	NXB LĐ xã hội	2012
115.	Giáo trình lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính	2008
116.	Bài tập lý thuyết thống kê và	TS. Chu Văn Tuấn	NXB Tài Chính	2008

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	phân tích dự báo	TS. Phạm Thị Kim Vân		
117.	Kế toán quốc tế	TS. Nguyễn Thị Loan, PGS.TS. Lý Hoàng Ánh	NXB Tài Chính	2013
118.	26 chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ Tài chính	NXB Tài chính	2021
119.	Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Trần Văn Thuận, TS. Phạm Thành Long	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2021
120.	Thông tư số 200/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính		2014
121.	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
122.	Kế toán tài chính	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
123.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng		2018
124.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dực	NXB Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2015
125.	Phân tích kinh doanh	Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2014
126.	Giáo trình Marketing căn bản	ThS. Quách Thị Bửu Châu, ThS. Nguyễn Văn Trung, ThS. Đào Hoài Nam	NXB Lao Động	2014
127.	Marketing căn bản	GS.TS. Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010
128.	Giáo trình Marketing căn bản	Vũ Thị Tuyết	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2020
129.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS. TS. Nguyễn Công Nhựt	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2020
130.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	TS. Chu Văn Tuấn	NXB Tài Chính	2010
131.	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam	2020
132.	Giáo trình bảo hiểm	PGS.TS. Đặng Văn Dân	NXB Tài Chính	2019
133.	Bảo hiểm thương mại	PGS.TS. Nguyễn Văn Định	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
134.	Luật số 58/2014/QH13	Quốc hội		2014
135.	Kế toán tài chính	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
136.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	NXB Tài chính	2018
137.	Giáo trình Kế toán chi phí	TS. Đoàn Ngọc Quế, PGS.TS. Phạm Văn Dực, TS. Huỳnh Lợi	NXB Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	2015
138.	Bài tập và bài giải kế toán chi phí	TS. Huỳnh Lợi	NXB tài chính	2012
139.	Kế toán quản trị	Huỳnh Lợi	NXB Tài chính	2020
140.	Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
141.	Kế toán chi phí	TS. Đoàn Ngọc Quế, PGS.TS. Phạm Văn Dược, TS. Huỳnh Lợi	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2015
142.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Quang Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
143.	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Đình Kiệm TS. Bách Đức Hiền	NXB Tài chính	2019
144.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	Nhà xuất bản tài chính	2018
145.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	Nhà xuất bản tài chính	2018
146.	Giáo trình Lý thuyết kiểm toán	TS. Trần Mạnh Dũng, Ths. Lại Thị Thu Thủy	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013
147.	Bài tập kiểm toán	Bộ môn kiểm toán, khoa kế toán - kiểm toán Trường đại học kinh tế TP.HCM	NXB Lao động - xã hội	2011
148.	Kiểm toán tài chính	GS.TS. Nguyễn Quang Quỳnh PGS.TS. Ngô Trí Tuệ	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014
149.	Kiểm toán tài chính	GS.TS. Nguyễn Quang Quỳnh PGS.TS. Ngô Trí Tuệ	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2021
150.	Giáo trình Lý thuyết kiểm toán,	TS. Trần Mạnh Dũng Ths. Lại Thị Thu Thủy	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013
151.	Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế	PGS.TS. Phạm Đức Cường	NXB Tài chính	2020
152.	Hướng dẫn thực hành sổ kế toán và lập báo cáo tài chính	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng	NXB Tài chính	2018
153.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	NXB Tài chính	2018
154.	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	TS Vũ Thị Kim Anh	NXB tài chính	2021
155.	Giáo trình thuế	TS. Phan Hữu Nghị PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019
156.	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019
157.	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Kim Phụng	NXB Tài chính	2021
158.	Giáo trình kế toán số kế toán doanh nghiệp	Công ty cổ phần Misa	NXB Văn hóa - Thông tin	2021
159.	Kế toán tài chính	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
160.	Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã	Tăng Bình - Ái Phương	NXB Hồng Đức	2019
161.	Chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC	Bộ Tài chính		2019
162.	Hướng dẫn chế độ kế toán xã phường, thị trấn-xử lý tình huống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán	PGS.TS. Phạm Văn Đăng ThS. Nguyễn Văn Dương	NXB Tài chính	2018
163.	Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10 tháng 10 năm 2017.	Bộ tài chính		2017
164.	Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
165.	Quy định chi tiết thi hành luật Hợp tác xã và chế độ hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Vũ Thị Tươi	Nhà xuất bản lao động	2017
166.	Kế toán ngân hàng	Nguyễn Thị Loan	NXB Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	2017
167.	Bài tập và bài giải Kế toán ngân hàng	Nguyễn Thị Loan	NXB Phương Đông	2012
168.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp nông nghiệp và xây dựng	TS. Đinh Tiến Hiếu		2016
169.	Kế toán thuế trong doanh nghiệp và kỹ năng quyết toán thuế	TS Vũ Thị Kim Anh	NXB tài chính	2021
170.	Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Đức Cường PGS.TS. Trần Mạnh Dũng	NXB tài chính.	2019
171.	Giải trình thuế	TS. Phan Hữu Nghị, PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019
172.	Thông tư số 133/2016/TT-BTC	Bộ tài chính		2016
173.	Kế toán tài chính	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
174.	Tổ chức kế toán trong các đơn vị kinh tế	PGS.TS. Phạm Đức Cường	NXB Tài chính	2020
175.	Giáo trình Kế toán tài chính Quyền 1	PGS.TS Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
176.	Giáo trình Kế toán tài chính Quyền 2	PGS.TS Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
177.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	NXB Thanh niên, Hà Nội.	2010
178.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
179.	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần (BTV Alpha Books)	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2016
180.	Cẩm nang việc làm bí quyết tìm việc thành công trong bối cảnh hội nhập	Tiêu Yên Trinh, Nguyễn Thị An Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Phương	NXB Thanh niên, Hà Nội.	2016
181.	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Sean Covey	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.	2020
182.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội	2009
183.	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân (dịch)	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2020
184.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chia hóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017
185.	55 nguyên tắc ứng xử thiết yếu để thành công	Ron Clark	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2019
186.	Very Easy TOEIC introduction, 3rd edition	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	2007
187.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2008
188.	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
189.	Giáo trình chuẩn HSK 3 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
190.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
191.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
192.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
193.	Career paths Accounting	John Taylor Stephen Peltier	Express publishing	2012
194.	Oxford school dictionary		Nhà xuất bản Oxford university	2003
195.	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
196.	Giáo trình chuẩn HSK 3 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019
197.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
198.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
199.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
200.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản dịch và giải thích ngữ pháp - tiếng Việt	3A Network	Nhà xuất bản trẻ	2019
201.	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	NXB Tài chính	2020
202.	Thị trường chứng khoán	Nguyễn Thanh Phương	NXB Lao động - Xã hội.	2020
203.	Luật chứng khoán Số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019	Quốc hội		2019
204.	Kế toán tài chính - Doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	TS. Vũ Thị Kim Anh, TS. Nguyễn Thị Thanh Phương PGS.TS. Hà Thị Thúy Vân	NXB Tài chính	2020
205.	Kế toán tài chính	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
206.	Nguyên lý và nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	2014
207.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Nguyễn Thị Mùi	NXB Tài chính	2008
208.	Giáo trình Quản trị văn phòng	GS.TS. Nguyễn Thành Độ ThS. Nguyễn Ngọc Điệp ThS. Trần Phương Hiền	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
209.	Giáo trình Lý luận về quản trị văn phòng	PGS.TS. Vũ Thị Phụng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2021
210.	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	PGS.TS. Nguyễn Hữu Tri	NXB Khoa học và kỹ thuật	2006

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Kế toán, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khoá như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Kế toán; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành Kế toán. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11,...	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
4	Đi thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất	Tập trung nhóm	Năm học thứ 3 hoặc thứ 4 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Hoạt động thư viện (Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn, tìm kiếm thông tin ngành theo học trên Internet

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Kế toán và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên